

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 16/2023/DS-ST
Ngày 11.5.2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng V - sinh năm 1991 và bà Lê Thị Bích T - sinh năm 1991; cùng nơi cư trú: 03 M, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, (Ông V có mặt, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng T - sinh năm 1978 và bà Dương Thị Phương U - sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ 7, đường Khánh An 11, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại Bản tự khai ngày 23 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn - ông Lê Hoàng V và bà Lê Thị Bích T trình bày:*

Cuối tháng 5 năm 2019, thông qua quen biết, ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị Phương U có mượn của ông bà số tiền 3.400.000.000 đồng (*Ba tỷ bốn trăm triệu đồng*) để xây nhà. Ngày 27 tháng 12 năm 2019, hai bên tiến hành lập Hợp đồng vay tiền, có chứng nhận của Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm. Theo hợp đồng, ông T và bà U vay của ông bà số tiền 3.400.000.000 đồng trong thời hạn 06 (*Sáu*) tháng, kể từ ngày hợp đồng được công chứng, chứng nhận; lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất tối đa theo quy định của Nhà nước.

Đến hạn, ông bà đã yêu cầu nhưng ông T và bà U cố tình lẩn tránh, không chịu thanh toán nợ.

Do ông T và bà U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà U trả số tiền nợ 3.400.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2019 đến ngày 18 tháng 11 năm 2022 là 982.000.000 đồng (*Chín trăm tám mươi hai triệu đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi là 4.382.0000.000 đồng (*Bốn tỷ ba trăm tám mươi hai triệu đồng*).

Tại phiên tòa, Nguyên đơn - ông Lê Hoàng V trình bày: Số tiền ông T, bà U vay của ông và bà T 3.400.000.000 đồng xuất phát từ số tiền ông T, bà U vay của ông bà 2.800.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*) vào ngày 28 tháng 5 năm 2019 theo Hợp đồng vay tiền có chứng nhận của Văn phòng công chứng Trần Hải Sâm. Đến ngày 27 tháng 6 năm 2019, ông T và bà U tiếp tục vay của ông bà số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) và đến ngày 30 tháng 7 năm 2019, trả được 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Ông V xác nhận tờ giấy photo do bà U cung cấp cho Tòa án có nội dung ghi chép số tiền vay, trả như trên là đúng, do ông V viết ra. Theo đó, hai bên thỏa thuận lãi suất của các lần vay là 6,5%/tháng. Theo giấy tính này thì tổng cộng số tiền gốc và lãi các khoản vay của ông T, bà U là 4.626.500.000 đồng (*Bốn tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên, hai bên đã thỏa thuận lại và thống nhất chốt số tiền ông T, bà U vay của ông bà là 3.400.000.000 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 3.150.000.000 đồng (*Ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*), số tiền còn lại là tiền lãi. Hai bên đã tiến hành ký Văn bản chấm dứt Hợp đồng vay tiền đối với số tiền 2.800.000.000 đồng và thống nhất ký lại Hợp đồng vay tiền đối với số tiền 3.400.000.000 đồng, có chứng nhận của Văn phòng công chứng Trần Hải Sâm. Tính từ ngày vay 27 tháng 12 năm 2019 đến nay, theo mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền 3.400.000.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi ông T, bà U phải thanh toán cho ông, bà T là 6.266.880.000 đồng (*Sáu tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng*) (*Theo Bảng kê tính lãi nộp cho Hội đồng xét*

xử). Tuy nhiên, xét hiện nay, hoàn cảnh kinh tế của ông T và bà U gặp khó khăn, nên ông và bà T chỉ yêu cầu ông T và bà U trả số tiền vay 3.400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 09 tháng 5 năm 2023, Nguyên đơn - bà Lê Thị Bích T đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T và bà U trả cho ông V và bà số tiền vay 3.400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Tại Đơn trình bày ngày 07 tháng 12 năm 2022, Bản tự khai ngày 02 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị Phương U trình bày:

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, ông T và bà U có ký hợp đồng vay tiền của ông Lê Hoàng V và bà Lê Thị Bích T số tiền 2.800.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*). Sau đó, ông bà có vay thêm của ông V và bà U số tiền 700.000.000 đồng và đã trả được 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Số tiền ông bà còn nợ lại của ông V, bà T là 3.150.000.000 đồng (*Ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Đến ngày 27 tháng 12 năm 2019, hai bên ký Văn bản chấm dứt hợp đồng vay tiền đối với số tiền 2.800.000.000 đồng và tiếp tục ký hợp đồng vay số tiền 3.400.000.000 đồng (*Bao gồm số tiền nợ gốc 3.150.000.000 đồng và tiền lãi*) tại Văn phòng công chứng Trần Hải Sâm.

Hai bên có quá trình vay mượn tiền từ trước năm 2018, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, với mức lãi suất ông bà phải trả là 7,5%/tháng. Ông bà đã trả lãi đều hàng tháng, nếu không trả lãi được thì cộng dồn lãi vào gốc. Đến cuối tháng 12 năm 2019, do kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng ông V đồng ý hạ lãi suất xuống 6,5%/tháng. Đến nay, ông bà vẫn có thiện chí trả nợ cho V, bà T bằng thoả thuận đưa nhà cầm trả nợ, nhưng thoả thuận không thành. Ông bà trình bày việc trả lãi để Toà án biết thiện chí trả nợ của ông bà, mà không đề nghị Toà án tính lại khoản tiền lãi đã trả.

Ông bà chỉ đồng ý trả cho ông V, bà T số tiền 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) là số tiền vay gốc thực tế và xin không trả lãi.

Tại phiên toà, ông T và bà U xác nhận có nợ của ông T, bà U số tiền 3.400.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ký ngày 27 tháng 12 năm 2019. Ông bà xin ông V và bà U xem xét giảm số tiền nợ còn 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*) và xin trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà, Nguyên đơn - bà Lê Thị Bích T vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V và bà Lê Thị Bích T về việc yêu cầu ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị Phương U thanh toán số tiền vay 3.400.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền có chứng nhận ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng công chứng Nguyễnễn Hải Sâm, đã được ông Phạm Hồng T và bà Dương Thị Phương U thừa nhận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xác định: Ông T và bà U có vay của ông V, bà T số tiền 3.400.000.000 đồng và cam kết thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận. Đến nay, đã quá hạn thanh toán nhưng ông T và bà U không trả được nợ.

Do ông T và bà U đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tiền về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và bà T, xử buộc ông T và bà U phải thanh toán cho ông V và bà T số tiền nợ 3.400.000.000 đồng.

Xét lời đề nghị của ông T và bà U xin giảm số tiền nợ còn 2.500.000.000 đồng và xin trả nợ dần, không được ông V đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[2.2] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất lãi suất vay hai bên thoả thuận 6,5%/tháng và số tiền vay gốc 3.150.000.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi trong số tiền 3.400.000.000 đồng là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) tính trên từng khoản vay và từng thời gian vay:

- Số tiền 2.800.000.000 đồng : Từ ngày vay 28 tháng 5 năm 2019 đến ngày ký hợp đồng vay tiền ngày 27 tháng 12 năm 2019;

- Số tiền 700.000.000 đồng: Từ ngày vay 27 tháng 6 năm 2019 đến ngày trả 350.000.000 đồng - ngày 30 tháng 7 năm 2019;

- Số tiền 350.000.000 đồng (*Số tiền 700.000.000 đồng - số tiền đã trả 350.000.000 đồng*): Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 đến ngày ký hợp đồng vay tiền ngày 27 tháng 12 năm 2019;

Là không vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[4] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị Phương U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng + (2% x 1.400.000.000 đồng) = 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các điều 228, 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V và bà Lê Thị Bích T đối với ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị Phương U về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị Phương U phải thanh toán cho ông Lê Hoàng V và bà Lê Thị Bích T số tiền nợ 3.400.000.000 đồng (*Ba tỷ bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) ông Phạm Hồng T, bà Dương Thị Phương U phải chịu.

Hoàn trả cho ông Lê Hoàng V và bà Lê Thị Bích T số tiền tạm ứng án phí 56.191.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu một trăm chín mươi một ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005583 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Nguyên đơn - ông Lê Hoàng V, bị đơn - bà Dương Thị Phương U và ông Phạm Hồng T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tU án. Nguyên đơn - bà Lê Thị Bích T, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiếu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễnễn Thị Thanh Thủy

